

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28** /2021/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 6 - 2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Bằng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thêu.

2. Ông Lại Đức Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Trung Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:10/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXX-ST, ngày 17 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 18/2021/QĐ-PT, ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trọng H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Xóm T, xã A, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thúy H1, sinh năm 1982;

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã Đ1, huyện H2, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị H1, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là anh Trọng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trọng H và chị Nguyễn Thúy H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Đ ngày 01-02-2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H và chị H1 chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn, sau đó đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ, chồng sống ly thân, thời gian sống ly thân đến nay là 12 năm. Năm 2010, chị H1 đi lao động ở nước ngoài (Hàn Quốc) cho đến nay chị H1 vẫn chưa về Việt Nam, anh H không biết địa chỉ cụ thể của chị H1 ở nước ngoài, anh H chỉ biết nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị H1 ở Việt Nam, ở: Thôn N, xã Đ1, huyện H2, tỉnh Thái Bình). Kể từ khi sống ly thân cho đến nay anh H và chị H1 không có quan hệ gì với nhau, không liên lạc gì với nhau, sống bỏ mặc nhau muốn ai sống thế nào thì sống. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị H1 không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thúy H1.

Về quan hệ con chung : Anh H và chị H1 có 01 con chung là cháu Trọng Nguyễn Khánh C, sinh ngày 10-12-2007, hiện con C đang sống chung cùng chị H1 tại Hàn Quốc. Ly hôn, anh H đồng ý để chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con C, về cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án không đặt ra giải quyết, khi nào các bên có yêu cầu sẽ đề nghị giải quyết bằng một vụ án khác.

Về quan hệ tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị ngày 15-3-2021, Biên bản xác minh ngày 19-4-2021 đối với ông Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn N, xã Đ1, huyện H2, tỉnh Thái Bình là bố đẻ chị Nguyễn Thúy H1 trình bày: Ông là bố đẻ của chị Nguyễn Thúy H1, chị H1 và anh H đăng ký kết hôn ngày 01-02-2007 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Vợ chồng anh H và chị H1 chung sống hòa thuận đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình của vợ, chồng không hợp. Chị H1 cùng với con gái về sống với gia đình ông tại thôn N, xã Đ1, huyện H2, tỉnh Thái Bình được một thời gian, sau đó chị H1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc từ năm 2010 cho đến nay vẫn chưa trở về Việt Nam, ông T1 không biết địa chỉ cụ thể của chị H1 tại Hàn Quốc, nhưng chị H1 vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại thông qua mạng xã hội Facebook và Zalo cho ông T1 và gia đình của ông T1 để trò chuyện và thăm hỏi, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình để gửi cho chị H1 thông qua mạng xã hội Facebook và Zalo, chị H1 (con ông) đã biết việc anh H xin ly hôn chị H1, nhưng chị H1 không gửi bản nêu ý kiến của mình về cho Tòa án mà chỉ nói với ông T1 nội dung, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H1 được ly hôn với anh H và để cho chị H1 được trực tiếp nuôi con chung Trọng Nguyễn Khánh C, về

cấp dưỡng nuôi con chị H1 không có yêu cầu gì, tất cả các văn bản tố tụng đề nghị Tòa án tổng đạt cho ông T1 để ông T1 chuyển giao cho chị H1 và chị H1 xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc này. Ông T1 công nhận vợ chồng anh H và chị H1 có 01 là con chung, là cháu Trọng Nguyễn Khánh C, sinh ngày 10-12-2007, hiện nay cháu Trọng Nguyễn Khánh C đang sống chung cùng mẹ (chị H1) tại Hàn Quốc và được chị H1 nuôi cho ăn học, khôn lớn, phát triển bình thường như những người khác cùng lứa tuổi. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H khởi kiện xin ly hôn chị H1 vì mâu thuẫn vợ, chồng giữa anh H và chị H1 đã trở nên trầm trọng, anh H và chị H1 đã chồng sống ly thân nhiều năm nay, không có quan hệ gì với nhau, không hỏi han quan tâm đến nhau, ông T1 đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị H1 và để cho chị H1 được trực tiếp nuôi con chung.

Tại Biên bản xác minh ngày 19-4-2021, Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện H2, tỉnh Thái Bình đã cung cấp thông tin như sau: Chị Nguyễn Thúy H1, sinh ngày 10-02-1982 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Đ1, huyện H2, tỉnh Thái Bình. Hiện nay, chị H1 đang xuất khẩu lao động và cư trú ở nước ngoài (Hàn Quốc), chị H1 và anh Trọng H, sinh ngày 12-8-1975, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm T, xã A, thành phố Đ, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 01-02-2007 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Đ, tỉnh Nam Định là đúng. Anh H và chị H1 có 01 con chung là Trọng Nguyễn Khánh C, sinh ngày 10-12-2007, sau khi cháu C về chung sống với chị H1 tại: Thôn N, xã Đ1, huyện H2, tỉnh Thái Bình thì có họ và tên thường gọi là Nguyễn Khánh C (nhưng Trọng Nguyễn Khánh C và Nguyễn Khánh C đều là 01 người) là con đẻ của vợ, chồng anh H và chị H1, cháu C hiện sống chung cùng với chị H1 tại Hàn Quốc là đúng, địa chỉ cụ thể của chị H1 và cháu C tại Hàn Quốc chính quyền địa phương không nắm được. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H1 không còn, anh H khởi kiện xin ly hôn chị H1, đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Theo thông tin của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp cho Tòa án, thì bị đơn chị Nguyễn Thúy H1 đã xuất cảnh khỏi Việt Nam ngày 24-9-2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Cháu Nguyễn Khánh C xuất cảnh khỏi Việt Nam ngày 29-12-2015 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, nguyên đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập tập hợp lệ lần thứ hai

nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh H được ly hôn với chị H1; về quan hệ con chung : Giao con chung cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết ; về quan hệ tài sản : Không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thúy H1 đang ở nước ngoài (Hàn Quốc) căn cứ vào khoản 3 Điều 35 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Nguyên đơn anh H không biết địa chỉ của chị H1 nên không cung cấp được cụ thể địa chỉ ở nước ngoài của chị H1 cho Tòa án, nhưng chị H1 vẫn thường xuyên liên lạc về cho bố đẻ của chị H1 là ông Nguyễn Mạnh T1 và gia đình của chị H1 tại Việt Nam, ông T1 bố đẻ của chị H1 không biết được địa chỉ cụ thể của chị H1 ở nước ngoài (Hàn Quốc) nên không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Mạnh T1 (bố đẻ chị H1) để ông T1 thông báo cho chị H1, yêu cầu chị H1 gửi lời khai của chị đối với yêu cầu xin ly hôn của anh H về cho Tòa án, Tòa án đã yêu cầu nhiều lần nhưng chị H1 không thực hiện được. Do đó, coi đây là trường hợp chị H1 cố tình giấu địa chỉ Tòa án đã giao giấy triệu tập Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông T1 (bố đẻ chị H1), đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng này tại thôn N, xã Đ1, huyện H2, tỉnh Thái Bình và UBND xã Đ1, huyện H2, tỉnh Thái Bình. Tại phiên tòa ngày 01-6-2021, chị H1 vắng mặt, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa, sau đó tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản này theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị H1 vẫn vắng mặt, anh H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 170; Điều 173; Điều 174; Điều 177; Điều 179 và Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238 và khoản 1 Điều 464 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn anh H và bị đơn chị H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh H, chị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thành phố Đ, tỉnh Nam Định ngày 01-02-2007 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H, chị H1 chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó sống ly thân, thời gian sống ly thân của vợ, chồng đến nay đã 12 năm, vợ, chồng anh H và chị H1 không có quan hệ gì với nhau, không hỏi han quan tâm nhau, sống

bỏ mặc nhau ai muốn sống thế nào thì sống. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh H, chị H1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận yêu cầu của anh H, áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, giải quyết cho anh H được ly hôn với chị H1.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ, chồng anh H và chị H1 có 01 con chung là cháu Trọng Nguyễn Khánh C, sinh ngày 10-12-2007, hiện cháu C đang sinh sống với mẹ là chị H1 tại Hàn Quốc. Ly hôn anh H đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng vì hoàn cảnh hiện nay con C đang sống chung cùng mẹ tại Hàn Quốc, về cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án không đặt ra giải quyết, khi nào các bên có yêu cầu sẽ đề nghị giải quyết bằng một vụ án khác, mặt khác ông Nguyễn Mạnh T1 là bố đẻ của chị H1 đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Trọng Nguyễn Khánh C cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cháu C đang sống chung cùng chị H1 tại Hàn Quốc. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh Trọng H, giao con chung là cháu Trọng Nguyễn Khánh C cho chị Nguyễn Thúy H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên có quyền đi lại chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[4] Về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Khi nào các bên có yêu cầu sẽ được thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 464, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trọng H được ly hôn chị Nguyễn Thúy H1.

2. Về quan hệ con chung : Giao con chung là cháu Trọng Nguyễn Khánh C, sinh ngày 10-12-2007 cho chị Nguyễn Thúy H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, không có yêu cầu không đặt ra giải quyết, khi nào các bên có yêu cầu sẽ được thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác. Hai bên có quyền đi lại chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản : Không có yêu cầu không đặt ra giải quyết , khi nào các bên có yêu cầu sẽ được thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Trọng H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0005027, ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Anh Trọng H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn chị Nguyễn Thúy H1 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Dương sự;
- UBND xã A(Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Bằng